

Số: **383**/TB-HV

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc tuyển sinh sau đại học năm 2022 tại Học viện Kỹ thuật Quân sự

Căn cứ Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Học viện Kỹ thuật Quân sự thông báo tuyển sinh đào tạo sau đại học năm 2022 như sau:

I. TUYỂN SINH CAO HỌC

1. Hình thức, thời gian, chương trình đào tạo

- Hình thức đào tạo: chính quy, tập trung.
- Thời gian đào tạo: 02 năm.
- Chương trình đào tạo: định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh và ngành đào tạo

- Chỉ tiêu tuyển sinh: 235.
- Ngành đào tạo:

TT	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu
1.	Cơ kỹ thuật	46
2.	Kỹ thuật cơ khí	12
3.	Kỹ thuật cơ khí động lực	39
4.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	33
5.	Kỹ thuật điện tử	29
6.	Kỹ thuật radar – dẫn đường	05
7.	Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt	04
8.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	05
9.	Kỹ thuật hoá học	11
10.	Khoa học máy tính	17
11.	Hệ thống thông tin	10
12.	Kỹ thuật phần mềm	01

TT	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu
13.	Chỉ huy, quản lý kỹ thuật	05
14.	Quản lý khoa học và công nghệ	08
15.	Kỹ thuật Cơ điện tử	01
16.	Kỹ thuật viễn thông	03
17.	Kỹ thuật Xây dựng	06
	TỔNG CỘNG	235

3. Điều kiện dự tuyển

a) Yêu cầu về văn bằng các điều kiện chuyên môn

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (*hoặc trình độ tương đương trở lên*) ngành phù hợp. Đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

- Văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

- Danh mục ngành/chuyên ngành phù hợp và các đối tượng cần học bổ sung kiến thức trước khi thi tuyển:

(Chi tiết có trong Phụ lục I)

b) Yêu cầu về ngoại ngữ

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Ngoại ngữ (*tiếng Anh hoặc tiếng Nga*) được chấp nhận theo từng ngành/chuyên ngành (*sau đây gọi là ngoại ngữ phù hợp, chi tiết có trong Phụ lục II*). Ứng viên đủ điều kiện về năng lực ngoại ngữ khi có một trong các minh chứng văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là ngoại ngữ phù hợp, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

+ Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngoại ngữ phù hợp;

+ Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài (*ngoại ngữ*) phù hợp;

+ Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ phù hợp đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển (*chi tiết có trong Phụ lục III*);

+ Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên do Học viện Kỹ thuật Quân sự cấp trong thời gian không quá 2 năm mà chuẩn đầu ra của CTĐT đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ phù hợp đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam;

- Ứng viên không có các minh chứng văn bằng, chứng chỉ nêu trên cần tham dự kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào do Học viện tổ chức và đạt kết quả Đạt yêu cầu trở lên.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (*hoặc trình độ tương đương trở lên*).

4. Hình thức tuyển sinh

- Thi tuyển;

- Môn thi: môn Cơ bản và môn Cơ sở;

Danh mục các môn thi tuyển cho từng ngành:

(Chi tiết có trong Phụ lục II)

- Thời gian thi: ngày 21 và 22 tháng 5 năm 2022

+ Phổ biến quy chế thi: 9h00 ngày 21 tháng 5 năm 2022;

+ Thi môn Cơ bản: 13h30 ngày 21 tháng 5 năm 2022;

+ Thi môn Cơ sở: 07h00 ngày 22 tháng 5 năm 2022.

c) Thi đánh giá năng lực ngoại ngữ: thời gian, địa điểm tổ chức thi theo thông báo của Phòng Sau đại học.

5. Địa điểm tuyển sinh: Khu A, Học viện Kỹ thuật Quân sự. Địa chỉ: số 236 đường Hoàng Quốc Việt, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

6. Công bố kết quả tuyển sinh: từ ngày 05/7/2022 đến ngày 15/7/2022.

7. Thời gian khai giảng: từ ngày 01/8/2022 đến ngày 15/8/2022.

8. Đối tượng và chính sách ưu tiên

a) Đối tượng ưu tiên

Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh nếu thuộc một trong những đối tượng sau:

- Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (*tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi*) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

b) Chính sách ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi có điểm thấp hơn (môn cơ bản, môn cơ sở ngành).

9. Hồ sơ dự thi

- Đơn xin dự thi;
- Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm;
- Các chứng chỉ bổ túc kiến thức;
- Bản sao giấy tờ hợp lệ về đối tượng ưu tiên (nếu có);
- Bản sao giấy tờ hợp lệ về văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có).

10. Thời gian, địa điểm phát hành và nhận hồ sơ

- Thời gian phát hành hồ sơ: Bắt đầu từ ngày 28/02/2022 đến 15/3/2022.
- Thời hạn nhận hồ sơ dự thi: từ ngày 15/3/2022 đến 01/4/2022.
- Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ:

Phòng Sau đại học, Phòng 801, tầng 8, nhà S4, Học viện Kỹ thuật Quân sự, số 236, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội;

11. Kế hoạch ôn tập và học bổ sung kiến thức

- Lịch học cụ thể được thông báo tại các bảng tin của Phòng Sau đại học và trên website của Phòng Sau đại học/Học viện Kỹ thuật Quân sự: <http://sdh.mta.edu.vn>. Dự kiến các mốc thời gian như sau:

- Thời gian đăng ký học bổ sung kiến thức từ ngày 18/02/2022 đến 23/02/2022. Tổ chức học bổ sung kiến thức từ ngày 23/02/2022 đến 01/4/2022.
- Tổ chức các lớp ôn thi tuyển sinh từ ngày 22/02/2022 đến 15/5/2022.

II. TUYỂN SINH NGHIÊN CỨU SINH

1. Hình thức, thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo: tập trung.
- Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ tiêu chuẩn (kể từ khi có quyết định công nhận NCS) đối với người tốt nghiệp trình độ thạc sĩ là 03 năm tập trung liên tục; đối với người tốt nghiệp trình độ đại học là 04 năm tập trung liên tục.

2. Chỉ tiêu và ngành đào tạo

- Chỉ tiêu đào tạo: 28.
- Ngành đào tạo:

TT	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu
1.	Cơ kỹ thuật	02
2.	Kỹ thuật cơ khí	04
3.	Kỹ thuật cơ khí động lực	01
4.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	04
5.	Kỹ thuật điện tử	06
6.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	01
7.	Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt	01
8.	Cơ sở toán học cho tin học	01

TT	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu
9.	Chỉ huy, quản lý kỹ thuật	03
10.	Khoa học máy tính	05
	TỔNG CỘNG	28

3. Điều kiện dự tuyển

a) Yêu cầu về văn bằng

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển.

b) Yêu cầu về kinh nghiệm nghiên cứu

Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

c) Yêu cầu về ngoại ngữ

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố (*chi tiết có trong Phụ lục III*).

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Học viện quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ; hoặc đã tốt nghiệp các cấp học ở bậc giáo dục phổ thông, sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ mà ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt.

4. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển.

5. Địa điểm xét tuyển: Khu A, Học viện Kỹ thuật Quân sự. Địa chỉ: số 236 đường Hoàng Quốc Việt, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

6. Thời gian xét tuyển và công bố kết quả: dự kiến trong 02 đợt:

- Đợt 01: xét tuyển từ ngày 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022. Công bố kết quả: dự kiến từ ngày 05 đến ngày 15 tháng 7 năm 2022.

- Đợt 02: từ ngày 01 đến ngày 30 tháng 10 năm 2022. Công bố kết quả: dự kiến từ ngày 01 đến ngày 15 tháng 11 năm 2022.

7. Thời gian khai giảng: tháng 12 năm 2022.

8. Hồ sơ dự tuyển

- Đơn xin dự tuyển;
- Lý lịch khoa học;
- Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực;
- Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học;
- Bài luận đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa;
- Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu;
- Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (*nếu người dự tuyển là công chức, viên chức*);
- Các tài liệu liên quan khác (*nếu có*).

9. Thời gian, địa điểm phát hành và nhận hồ sơ

- Thời gian phát hành hồ sơ: từ ngày 28/02/2022 ÷ 15/3/2022.
- Thời hạn nhận hồ sơ dự tuyển NCS: từ ngày 02/5/2022 ÷ 15/5/2022.
- Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ:

Phòng Sau đại học, Phòng 813 tầng 8, nhà S4, Học viện Kỹ thuật Quân sự, số 236, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

III. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Mọi chi tiết xin liên hệ: Phòng Sau đại học/Học viện Kỹ thuật Quân sự.

Địa chỉ: Tầng 8 - nhà S4 - khu A/Học viện Kỹ thuật Quân sự (*số 236 đường Hoàng Quốc Việt, Bắc Từ Liêm, Hà Nội*). Điện thoại: 069.515.319; 069.515.320; 069.515.321, 0437.558.307; 0438.361.789.

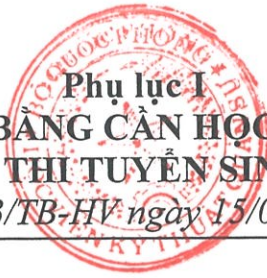
Thông tin chi tiết xem tại website <http://sdh.mta.edu.vn/>.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Cục Nhà trường/BTTM (để báo cáo);
- TTCNTT, P7 (03b);
- Lưu: BM, QLNCSP/P7. C08.



Trung tướng Nguyễn Công Định



Phụ lục I

**DANH MỤC CÁC VĂN BẰNG CẦN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
TRƯỚC KHI THI TUYỂN SINH CAO HỌC**

(Kèm theo Thông báo số 383/TB-HV ngày 15/02/2022 của Học viện KTQS)

NGÀNH: CƠ KỸ THUẬT (CƠ HỌC ỨNG DỤNG; CƠ HỌC MÁY)

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân hệ chính quy chuyên ngành Cơ kỹ thuật.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần bổ sung kiến thức:

- Kỹ sư các chuyên ngành: Kỹ thuật cơ khí; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình biển; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật cơ - điện tử; Công nghệ Kỹ thuật cơ khí; Công nghệ vật liệu; Công nghệ Kỹ thuật kiến trúc và Công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ chế tạo máy; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật tàu thủy; Toán cơ; Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ sư, Cử nhân Hệ tại chức chuyên ngành Cơ kỹ thuật.

- Kỹ sư, Cử nhân các chuyên ngành: Kỹ thuật nhiệt; Khoa học vật liệu; Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng; Công nghệ kỹ thuật nhiệt.

**NGÀNH: KỸ THUẬT CƠ KHÍ
(CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY; GIA CÔNG ÁP LỰC)**

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân hệ chính quy các chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ chế tạo máy.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

- Kỹ sư, Cử nhân các chuyên ngành: Cơ kỹ thuật; Kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật Cơ khí động lực. Kỹ sư, Cử nhân Hệ tại chức các chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ chế tạo máy.

- Kỹ sư, Cử nhân các chuyên ngành: Kỹ thuật hàng không; Kỹ thuật tàu thủy; Kỹ thuật nhiệt; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật nhiệt.

**NGÀNH: KỸ THUẬT HOÁ HỌC
(KỸ THUẬT HÓA HỌC; THUỐC PHÓNG THUỐC NỔ)**

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

- Kỹ sư, Cử nhân hệ chính quy các chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật hóa học.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

- Kỹ sư, Cử nhân các chuyên ngành: Hóa học của ĐHKHTN; Sư phạm hóa học; Công nghệ KT môi trường; Kỹ thuật môi trường. Kỹ sư, Cử nhân Hệ tại chức

các chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật hóa học.

- Kỹ sư, Cử nhân các chuyên ngành: Công nghệ vật liệu; Kỹ thuật vật liệu; Kỹ thuật vật liệu kim loại; Khoa học vật liệu; Khoa học môi trường.

NGÀNH: KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ, KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân hệ chính quy ngành/chuyên ngành Kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật điện tử, truyền thông.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

- Kỹ sư, Cử nhân các chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Kỹ sư, Cử nhân hệ tại chức Kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật điện tử, truyền thông.

- Kỹ sư, Cử nhân các chuyên ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá; Kỹ thuật máy tính; Kỹ thuật y sinh; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Truyền thông và mạng máy tính; Công nghệ thông tin; Kỹ thuật cơ điện tử; Vật lý kỹ thuật.

NGÀNH: KỸ THUẬT RA ĐA - DẪN ĐƯỜNG

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân hệ chính quy ngành Kỹ thuật điện - điện tử, chuyên ngành Ra đa.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

- Kỹ sư, Cử nhân các chuyên ngành: Kỹ thuật điện - điện tử, chuyên ngành Tác chiến điện tử, Thông tin; Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa, chuyên ngành Tên lửa; Kỹ sư, cử nhân Hệ tại chức ngành Kỹ thuật điện - điện tử;

- Kỹ sư, Cử nhân các chuyên ngành: Kỹ thuật Điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật Hàng không.

NGÀNH: KHOA HỌC MÁY TÍNH, HỆ THỐNG THÔNG TIN, KỸ THUẬT PHẦN MỀM

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân Hệ chính quy các ngành/chuyên ngành Khoa học máy tính; Truyền thông và mạng máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân các ngành/chuyên ngành: Hệ thống thông tin quản lý; Tin học ứng dụng; Kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Toán Tin học; Tin học quản lý; Sư phạm Tin học. Kỹ sư hoặc Cử nhân hệ tại chức Khoa học máy tính; Truyền thông và mạng máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa,

Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật điện tử, truyền thông, Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông, Toán ứng dụng, Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử.

NGÀNH: CƠ KỸ THUẬT (VŨ KHÍ)

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư hệ chính quy ngành/chuyên ngành Vũ khí, Công nghệ chế tạo vũ khí.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân các chuyên ngành: Đạn; Vũ khí - Đạn. Kỹ sư hệ tại chức ngành Vũ khí; Công nghệ chế tạo vũ khí; Kỹ thuật cơ khí; Công nghệ KT cơ khí; Cơ kỹ thuật; Kỹ thuật Cơ - Điện tử; Công nghệ KT Cơ-Điện tử; Công nghệ chế tạo máy; Công nghệ gia công áp lực; Kỹ thuật cơ khí động lực.

NGÀNH: CƠ KỸ THUẬT (ĐẠN)

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư chuyên ngành: Đạn; Thiết kế chế tạo đạn; Cử nhân chuyên ngành Đạn hệ đại học tốt nghiệp Học viện KTQS và các trường đại học nước ngoài; Kỹ sư chuyên ngành Đạn tốt nghiệp Trường Sĩ quan KTQS.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân các chuyên ngành: Kỹ sư Công nghệ chế tạo Đạn, Kỹ sư Vũ khí; Thiết kế chế tạo vũ khí tốt nghiệp Học viện KTQS và các trường đại học nước ngoài; Kỹ sư Vũ khí tốt nghiệp Trường Sĩ quan KTQS; Kỹ sư và Cử nhân đại học gốc ngành Cơ khí, tốt nghiệp các trường đại học kỹ thuật trong và ngoài nước.

NGÀNH: KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ (THIẾT BỊ QUANG, QUANG - ĐIỆN TỬ)

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân hệ chính quy ngành/chuyên ngành Thiết bị quang và quang - điện tử (*Khí tài quang*); Kỹ thuật quang học; Quang điện tử.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân các chuyên ngành: Cơ khí chính xác; Kỹ thuật cơ - điện tử; Vật lý kỹ thuật; Kỹ sư, Cử nhân Hệ tại chức Thiết bị quang và quang - điện tử (*Khí tài quang*); Kỹ thuật quang học; Quang điện tử; Kỹ thuật cơ khí (*không phải chuyên ngành Khí tài quang*).

NGÀNH: KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ (KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ)

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân Hệ chính quy chuyên ngành Kỹ thuật Cơ điện tử; Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử; Công nghệ Cơ điện tử.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân các chuyên ngành: Kỹ thuật Cơ khí; Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí; Công nghệ Chế tạo máy; Kỹ thuật Cơ khí Chế tạo máy; Công nghệ Cơ khí chế tạo máy; Công nghệ Cơ khí chế tạo máy; Cơ kỹ thuật; Kỹ thuật Hàng không; Kỹ thuật Tàu thủy; Kỹ thuật Ô tô. Kỹ sư, Cử nhân Hệ tại chức chuyên ngành Kỹ thuật Cơ điện tử; Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử; Công nghệ Cơ điện tử; Kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa; Công nghệ Điều khiển - Tự động hóa; Kỹ thuật điện - điện tử.

NGÀNH: KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA (TỰ ĐỘNG HÓA)

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân hệ chính quy ngành Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa (*Chuyên ngành Tự động hóa*).

2. Văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân các chuyên ngành: Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa (*Chuyên ngành Tên lửa Phòng không; Tên lửa Ngư lôi; Tên lửa Hải quân*); Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ sư, Cử nhân Hệ tại chức Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa (*Chuyên ngành Tự động hóa*); Kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật máy tính; Kỹ thuật y sinh; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; Truyền thông và mạng máy tính; Kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử; Vật lý kỹ thuật; Kỹ thuật điện tử, truyền thông; Kỹ thuật điều khiển hàng không; Kỹ thuật điều khiển tàu thủy.

NGÀNH: KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA (ĐIỀU KHIỂN CÁC THIẾT BỊ BAY)

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân hệ chính quy chuyên ngành Tên lửa Phòng không; Tên lửa Hải quân; Tên lửa - Ngư lôi; Thiết kế chế tạo các hệ thống điều khiển tên lửa; Vũ khí hàng không; UAV.

2. Văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân các chuyên ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá; Ra đa; Pháo phòng không - pháo tàu; Kỹ sư, Cử nhân Hệ tại chức Tên lửa Phòng không; Tên lửa Hải quân; Tên lửa - Ngư lôi; Thiết kế chế tạo các hệ thống điều khiển tên lửa; Vũ khí hàng không; UAV; Công nghệ thông tin, máy tính; Điện tử viễn thông; Điện tử công nghiệp; Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử; Kỹ thuật điện tử, truyền thông; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật hàng không.

NGÀNH: KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA (KỸ THUẬT Y SINH)

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân hệ chính quy ngành Điện tử y sinh; Kỹ thuật y sinh.

2. Văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân các chuyên ngành: Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa, Điện tử viễn thông, Vật lý Kỹ thuật y sinh, Sư phạm kỹ thuật Điện - Điện tử, Cơ - Điện tử; Công nghệ thông tin, Vật lý Kỹ thuật.

**NGÀNH: KỸ THUẬT CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC
(KỸ THUẬT Ô TÔ QUÂN SỰ, Ô TÔ - MÁY KÉO)**

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân hệ chính quy các chuyên ngành Xe quân sự; Ô tô quân sự; Kỹ thuật Ô tô; Kỹ thuật Ô tô - Máy kéo; Công nghệ kỹ thuật ô tô.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân các chuyên ngành: Tăng - Thiết giáp; Kỹ thuật Xe máy công binh; Máy xây dựng. Kỹ sư, Cử nhân Hệ tại chức các chuyên ngành Xe quân sự; Ô tô quân sự; Kỹ thuật Ô tô; Kỹ thuật Ô tô - Máy kéo; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ chế tạo máy; Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử.

**NGÀNH: KỸ THUẬT CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC
(KỸ THUẬT ĐỘNG CƠ NHIỆT)**

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân hệ chính quy ngành Kỹ thuật cơ khí động lực (*định hướng chuyên sâu Kỹ thuật Động cơ đốt trong, Kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật Xe đặc chủng, Kỹ thuật Máy xây dựng, Máy tàu thủy*).

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân các chuyên ngành: Kỹ thuật cơ khí động lực (*định hướng chuyên sâu khác các ngành Kỹ thuật Động cơ đốt trong, Kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật Xe đặc chủng, Kỹ thuật Máy xây dựng, Máy tàu thủy*). Kỹ sư, Cử nhân hệ tại chức ngành Kỹ thuật cơ khí động lực (*định hướng chuyên sâu Kỹ thuật Động cơ đốt trong, Kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật Xe đặc chủng, Kỹ thuật Máy xây dựng, Máy tàu thủy*); Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật, Công nghệ kỹ thuật cơ khí.

**NGÀNH: KỸ THUẬT CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC
(KỸ THUẬT XE MÁY CÔNG BINH)**

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư hệ chính quy ngành/chuyên ngành Xe máy công binh, Máy xây dựng, Máy xây dựng và xếp dỡ, Máy thủy lợi.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân các chuyên ngành: Cử nhân Xe máy công binh, Kỹ sư Xe quân sự, Ô tô quân sự, Tăng thiết giáp, Máy nông nghiệp, Máy lâm nghiệp. Kỹ sư Hệ tại chức chuyên ngành Xe máy công binh, Máy xây dựng, Máy xây dựng và xếp dỡ, Máy thủy lợi; Cử nhân Xe quân sự, Ô tô quân sự, Tăng thiết giáp; Kỹ sư, Cử nhân chuyên ngành Kỹ thuật Cơ-điện tử, Công nghệ kỹ thuật ô tô.

**NGÀNH: KỸ THUẬT CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC
(KỸ THUẬT TĂNG THIẾT GIÁP)**

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư hệ chính quy các chuyên ngành Tăng thiết giáp, Ô tô Quân sự, Xe Quân sự.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân các chuyên ngành: XMCB; Công nghệ kỹ thuật ô tô, máy kéo; Cơ khí nông nghiệp; Cơ khí lâm nghiệp, mỏ; Kỹ sư Hệ tại chức thuộc các chuyên ngành Tăng thiết giáp, Ô tô Quân sự, Xe Quân sự; Vũ khí; Cơ kỹ thuật; Cơ điện tử; Chế tạo máy.

**NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐẶC BIỆT
(XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH QUỐC PHÒNG)**

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng công trình quốc phòng.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

- Kỹ sư ngành/chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm; Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng & công nghiệp, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy lợi; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông. Cử nhân chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng công trình quốc phòng.

- Cử nhân ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy lợi; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm; Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng & công nghiệp.

NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp, Kỹ thuật xây dựng.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

- Kỹ sư ngành/chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, thủy lợi; Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm, mỏ; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt; Kỹ thuật xây dựng công trình quốc phòng; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Cử nhân xây dựng dân dụng và công nghiệp.

- Kỹ sư, cử nhân ngành/chuyên ngành: Quy hoạch vùng và đô thị; Kiến trúc cảnh quan; Kinh tế xây dựng; Quản lý xây dựng. Cử nhân Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, thủy lợi; Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm, mỏ; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt; Kỹ thuật xây dựng công trình quốc phòng; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng.

**NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
(XÂY DỰNG ĐƯỜNG Ô TÔ)**

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, Cử nhân ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

- Kỹ sư ngành/chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng dân dụng & công nghiệp; Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm; Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật giao thông.

- Cử nhân ngành/chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng dân dụng & công nghiệp; Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm; Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật giao thông. Kỹ sư, Cử nhân ngành/chuyên ngành: Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật công trình biển; Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng; Địa kỹ thuật xây dựng; Quy hoạch vùng và đô thị; Kiến trúc cảnh quan; Kinh tế xây dựng; Quản lý xây dựng.

NGÀNH: CHỈ HUY, QUẢN LÝ KỸ THUẬT

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, cử nhân ngành/chuyên ngành: Chỉ huy, quản lý kỹ thuật; Quản lý kỹ thuật.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

Người dự tuyển có văn bằng tốt nghiệp đại học thuộc các chuyên ngành kỹ thuật.

NGÀNH: QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Những văn bằng tốt nghiệp đại học không cần bổ sung kiến thức:

Kỹ sư, cử nhân hệ chính quy ngành/chuyên ngành Quản lý Khoa học và công nghệ.

2. Những văn bằng tốt nghiệp đại học cần học bổ sung kiến thức:

- Kỹ sư, cử nhân hệ chính quy các ngành kinh tế, quản lý và kỹ thuật hệ thống công nghiệp. Kỹ sư, cử nhân hệ tại chức chuyên ngành Quản lý Khoa học và công nghệ.

- Kỹ sư và Cử nhân không thuộc 2 nhóm đối tượng trên. ✖



Phụ lục II
CÁC MÔN THI TUYỂN SINH VÀ NGOẠI NGỮ ĐƯỢC CHẤP THUẬN
TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số 383/TB-HV ngày 15/02/2022 của Học viện KTQS)

TT	Ngành (Chuyên ngành) dự tuyển	Môn Cơ bản	Môn Cơ sở	Ngoại ngữ
1.	Cơ kỹ thuật: <i>Cơ học ứng dụng, Cơ học máy</i>	Toán cao cấp	Sức bền vật liệu	Tiếng Anh
	Cơ kỹ thuật: <i>Vũ khí, Đạn</i>			Tiếng Anh hoặc Tiếng Nga
2.	Kỹ thuật cơ khí: <i>Công nghệ Chế tạo máy, Gia công áp lực</i>	Toán cao cấp	Sức bền vật liệu	Tiếng Anh
3.	Kỹ thuật cơ khí động lực: <i>Kỹ thuật Ô tô QS, Ô tô-máy kéo; Kỹ thuật Xe máy công binh, Máy xây dựng; Kỹ thuật Động cơ nhiệt; Kỹ thuật Tăng-thiết giáp</i>	Toán cao cấp	Sức bền vật liệu	Tiếng Anh hoặc Tiếng Nga
4.	Kỹ thuật cơ điện tử: <i>Kỹ thuật Cơ điện tử; Thiết bị quang, quang- điện tử</i>	Toán cao cấp	Sức bền vật liệu <i>(Kỹ thuật Cơ điện tử thì Sức bền vật liệu đối với thí sinh gốc ngành Cơ, Lý thuyết mạch với thí sinh gốc ngành Điện)</i>	Tiếng Anh hoặc Tiếng Nga
5.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá <i>(Tự động hoá)</i>	Toán cao cấp	Lý thuyết mạch	Tiếng Anh hoặc Tiếng Nga
	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá <i>(Điều khiển các thiết bị bay)</i>	Toán cao cấp	Lý thuyết mạch	
6.	Kỹ thuật điện tử	Toán cao cấp	Lý thuyết mạch	Tiếng Anh hoặc Tiếng Nga
7.	Kỹ thuật viễn thông	Toán cao cấp	Lý thuyết mạch	
8.	Kỹ thuật radar – dẫn đường	Toán cao cấp	Lý thuyết mạch	Tiếng Anh hoặc Tiếng Nga
9.	Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt: <i>(Xây dựng công trình quốc phòng)</i>	Toán cao cấp	Cơ học kết cấu	
10.	Kỹ thuật xây dựng	Toán cao cấp	Cơ học kết cấu	Tiếng Anh
11.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông <i>(Xây dựng đường ô tô)</i>	Toán cao cấp	Cơ học kết cấu	
12.	Kỹ thuật hoá học <i>(Kỹ thuật hóa học)</i>	Toán cao cấp	Cơ sở lý thuyết Hoá học	Tiếng Anh
	Kỹ thuật hoá học <i>(Thuốc phóng, thuốc nổ)</i>			Tiếng Anh hoặc Tiếng Nga
13.	Khoa học máy tính	Toán rời rạc	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Tiếng Anh
14.	Hệ thống thông tin	Toán rời rạc	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	
15.	Kỹ thuật phần mềm	Toán rời rạc	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	
16.	Chỉ huy, quản lý kỹ thuật	Toán B	Quản trị học	
17.	Quản lý khoa học và công nghệ	Toán B	Quản trị học	

Ghi chú: Đăng ký dự tuyển đầu vào ngoại ngữ nào thì đầu ra phải đạt chuẩn ngoại ngữ đó.



Phụ lục III
DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI
MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN
(Kèm theo Thông báo số 383/TB-HV ngày 15/02/2022 của Học viện KTQS)

I. TUYỂN SINH NGHIÊN CỨU SINH

TT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

II. TUYỂN SINH CAO HỌC

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 30 trở lên
		TOEFL ITP	Từ 450 trở lên
		IELTS	Từ 4.0 trở lên
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: Từ 140 trở lên
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: Từ 275 trở lên Đọc: Từ 275 trở lên Nói: Từ 120 trở lên Viết: Từ 120 trở lên
2	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-1 trở lên

✍

